

Số: 02/2025/QĐST-VLĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Châu**.

Thư ký phiên họp: Bà **Phạm Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà **Phan Mỹ Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 47/2025/TLST-VDS ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2025/QĐST-VLĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà **Lê Thị Tuyết N**, Sinh năm 1984; CCCD số: 083184009409; Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp).

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Phùng Thị L**, sinh năm 1989; CCCD số: 083189015314; Địa chỉ: 031/XSN X, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long).

- **Công ty TNHH D**;

Trụ sở chính: A6/7L đường V, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã V, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị T (Giấy uỷ quyền số 02-2025/GUQ ngày 20/6/2025).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu bà Lê Thị Tuyết N trình bày:

Vào tháng 4 năm 2007, bà Phùng Thị L chưa đủ 18 tuổi nên đã mượn hồ sơ cá nhân của bà để trực tiếp ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D. Vì bà là di ruột của bà Phùng Thị L và cũng do thiếu hiểu biết, nên bà đã cho bà L mượn hồ sơ cá nhân để xin việc làm. Theo đó, khoảng thời gian từ tháng 04 năm 2007 đến 05 năm 2007, bà L đã mượn hồ sơ cá nhân của bà làm việc tại Công ty TNHH D và đã đóng bảo hiểm xã hội cho số bảo hiểm xã hội của bà số 0207165828.

Làm được một thời gian thì bà nghỉ việc và đến làm việc tại Công ty TNHH P đến tháng 06 năm 2023 thì nghỉ việc. Bà đi làm thủ tục xin nhận tiền bảo hiểm xã hội một lần thì không được giải quyết do bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Bà đã liên hệ Công ty TNHH D để tiến hành điều chỉnh, huỷ bỏ việc đóng bảo hiểm cho bà từ tháng 04 năm 2007 đến tháng 05 năm 2007 nhưng Công ty TNHH D không thực hiện.

Nay bà yêu cầu Toà án tuyên Hợp đồng lao động giữa bà (do bà Phùng Thị L thực hiện) với Công ty TNHH D từ tháng 04 năm 2007 đến tháng 05 năm 2007 là vô hiệu (có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 04 năm 2007 đến tháng 05 năm 2007 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 0207165824). Do bận việc nên bà yêu cầu được vắng mặt khi Toà án giải quyết vụ việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị L trình bày:

Bà là cháu ruột gọi bà Lê Thị Tuyết N là di ruột. Khoảng tháng 4 năm 2007 do thiếu hiểu biết về pháp luật nên bà đã mượn chứng minh nhân dân của bà Lê Thị Tuyết N để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH D khi đó bà chưa đủ 18 tuổi. Công ty TNHH D đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà theo đúng quy định của pháp luật từ tháng 04 năm 2007 đến tháng 05 năm 2007. Tuy nhiên sổ bảo hiểm số 0207165824 cấp tại Công ty TNHH D của bà lại mang tên bà N. Trong thời điểm này thì bà N đăng ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1 tại quận B và có đóng bảo hiểm số B, thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3 năm 2003 đến năm 2024 thì bà N xin nghỉ việc nên đã bị trùng quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 04 năm 2007 tháng 5 năm 2007. Nay bà đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH D với bà N vô hiệu. Bà xin vắng mặt khi Toà án giải quyết vụ việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D có đại diện theo uỷ quyền là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Tháng 3 năm 2003 Công ty TNHH D có ký hợp đồng và tham gia bảo hiểm xã hội với bà Lê Thị Tuyết N. Từ tháng 3 năm 2003 đến tháng 4 năm 2007 và đến nay Công ty TNHH D không còn lưu hồ sơ của người lao động vì đã qua 22 năm. Công ty TNHH D đổi địa chỉ kinh doanh cũng như chủ sở hữu, nhân sự trực tiếp tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với bà Lê Thị Tuyết N đã nghỉ việc nên Công ty TNHH D không chứng minh được bà N đã cho mượn tên người khác để ký hợp đồng lao động. Bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc và tất cả các phiên họp, ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

- Về việc tuân theo thủ tục tố tụng: Tại phiên họp, Thẩm phán và Thư ký cũng như đương sự đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc giải quyết việc dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Tuyết N về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký giữa bà Lê Thị Tuyết N và Công ty TNHH D trong khoảng thời gian từ tháng 04 năm 2007 đến tháng 05 năm 2007 là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Lê Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà N (do bà Phùng Thị L thực hiện) với Công ty TNHH D là vô hiệu. Nơi giao kết và thực hiện hợp đồng lao động là tại Công ty TNHH D có địa chỉ tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã V, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-

HĐTP ngày 27/6/2025 thì Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bà Lê Thị Tuyết N, bà Phùng Thị L, bà Nguyễn Thị T có yêu cầu được vắng mặt tại phiên họp nên căn cứ vào Điều 361, khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự này.

[3] Về yêu cầu của đương sự, xét thấy:

Tại Công văn số 65/BHXXH ngày 18/6/2025 của Bảo hiểm xã hội huyện B cho biết:

“Căn cứ dữ liệu BHXH huyện B đang quản lý bà Lê Thị Tuyết N (sinh năm 1984, CMND số 321180662, CCCD số: 083184009409) có 05 mã số: 8322686457, 0207165824, 0207388356, 0203122352 và 7908459678.

+ Mã số: 8322686457 chỉ quá trình tham gia BHYT từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2018.

+ Mã số: 0207165824 có quá trình từ tháng 04/2007 đến tháng 05/2007 tại Công ty TNHH D (theo họ tên Lê Tuyết N)

+ Mã số: 0207388356 có quá trình từ tháng 10/2007 đến tháng 10/2007 tại Công ty TNHH D (theo họ tên Lê Tuyết N)

+ Mã số: 0203122352 có quá trình từ tháng 03/2003 đến tháng 07/2007 tại Công Ty TNHH P2 đã nhận trợ cấp BHXH 1 lần (theo họ tên Lê Tuyết N)

+ Mã số: 7908459678 có quá trình từ tháng 11/2008 đến tháng 06/2023 tại Công Ty TNHH P2.

Như vậy bà N có quá trình đóng trùng từ tháng 04/2007 đến tháng 05/2007 tại Công ty TNHH D và Công Ty TNHH P2”.

Quá trình tố tụng, bà Lê Thị Tuyết N và bà Phùng Thị L cùng xác định: Từ tháng 04 năm 2007 đến tháng 5 năm 2007 bà L đã mượn chứng minh nhân dân, thông tin cá nhân của bà N để trực tiếp giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH D với mã số 0207165824. Do thời điểm ký hợp đồng, bà L chưa đủ tuổi nên đã mượn thông tin nhân thân của dì ruột là bà N để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH D. Trong thời gian bà L mượn thông tin cá nhân của bà N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D thì bà N ký hợp đồng lao động và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH P2, dẫn đến bà N có

quá trình đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 04/2007 đến tháng 05/2007 tại Công ty TNHH D và Công Ty TNHH P2. Lời trình bày này của bà N, bà L phù hợp với Công văn số 65/BHXXH ngày 18/6/2025 của Bảo hiểm xã hội huyện B cũng như các sổ bảo hiểm xã hội bà N cung cấp.

Xét thấy, việc bà L sử dụng tên bà N để giao kết hợp đồng lao động là hành vi gian dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019. Do đó, yêu cầu của bà N về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động ký kết giữa bà Lê Thị Tuyết N (do bà Phùng Thị L mượn tên thực hiện) với Công ty TNHH D là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”. Do đó, bà N, bà L được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 0207165824 và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Tuyết N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 122, 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994;

Căn cứ khoản 2 Điều 16, khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Lê Thị Tuyết N.

Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Lê Thị Tuyết N và Công ty TNHH D trong khoảng thời gian từ tháng 04 năm 2007 đến tháng 5 năm 2007 tại Sở bảo hiểm xã hội mã số 0207165824 là vô hiệu.

Bà Lê Thị Tuyết N, bà Phùng Thị L được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sở bảo hiểm xã hội mã số 0207165824 và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Lê Thị Tuyết N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052601 ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Lê Thị Tuyết N đã nộp đủ lệ phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10;
- THADS TP.HCM;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.



THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Ngọc Châu